



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động số	0026/NH-GP	ngày 22 tháng 8 năm 1992
	Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 99 năm kể từ ngày cấp.	
Giấy phép Thành lập số	463/GP-UB	ngày 1 tháng 9 năm 1992
	Giấy phép Thành lập được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/ Doanh nghiệp số	0300872315	ngày 1 tháng 9 năm 1992
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300872315 ngày 31 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Quốc Toàn Ông Trần Ngô Phúc Vũ Ông Phan Đình Tân Ông Nguyễn Quốc Mỹ Bà Võ Thị Tuyết Nga Bà Đỗ Anh Thư	Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên độc lập
Ban Kiểm soát	Bà Triệu Kim Cân Bà Nguyễn Thị Thúy Vân Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng ban Thành viên Thành viên

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Ngọc Tâm Bà Lương Thị Cẩm Tú Bà Võ Thị Tuyết Nga Ông Lê Quang Quảng Ông Nguyễn Danh Thiết Ông Nguyễn Bình Phương Ông Võ Việt Trung Ông Nguyễn Vĩnh Lợi Ông Trần Khải Hoàn	Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 3 năm 2018) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2018) Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2018) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
Kế toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan	
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch
Trụ sở đăng ký	Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 89 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc




Trần Ngọc Tâm
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2018





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á (“Ngân hàng”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành vào ngày 9 tháng 4 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 89.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 17 tháng 4 năm 2017.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-142/2



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2018

	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND	
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng	4	455.568	319.178
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.056.877	1.316.399
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	4.813.557	2.721.138
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		4.699.807	2.721.138
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		113.750	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	131.918	138.813
1	Chứng khoán kinh doanh		144.141	149.346
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(12.223)	(10.533)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	509	434
VI	Cho vay khách hàng		35.502.201	23.649.752
1	Cho vay khách hàng	9	36.345.540	24.039.291
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(843.339)	(389.539)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	10.180.067	9.392.526
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.696.948	3.921.999
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		5.673.424	5.535.468
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(190.305)	(64.491)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	112.605	112.174
4	Đầu tư dài hạn khác		117.280	117.280
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(4.675)	(5.106)
X	Tài sản cố định		833.153	822.355
1	Tài sản cố định hữu hình	13	344.544	374.566
a	Nguyên giá		615.157	607.730
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(270.613)	(233.164)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	14	45.220	52.376
a	Nguyên giá		72.181	68.438
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.961)	(16.062)
3	Tài sản cố định vô hình	15	443.389	395.413
a	Nguyên giá		512.064	450.412
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(68.675)	(54.999)
XI	Bất động sản đầu tư	16	52.379	-
a	Nguyên giá		52.379	-
b	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
XII	Tài sản Có khác	17	1.301.046	4.378.836
1	Các khoản phải thu		345.732	3.740.414
2	Các khoản lãi, phí phải thu		775.708	480.362
4	Tài sản Có khác		215.652	272.563
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(36.046)	(114.503)
TỔNG TÀI SẢN			54.439.880	42.851.605

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	323.468
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	7.624.774
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	6.779.286	4.013.200
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	845.488	454.701
III	Tiền gửi của khách hàng	20	39.860.577
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	21	13.839
VI	Phát hành giấy tờ có giá	22	1.892.113
VII	Các khoản nợ khác	23	1.058.055
1	Các khoản lãi, phí phải trả	890.473	687.867
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	167.582	124.831
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	50.772.826	39.418.533
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	25	3.667.054
1	Vốn của tổ chức tín dụng	3.023.748	3.023.748
a	Vốn điều lệ	3.021.166	3.021.166
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	10	10
c	Thặng dư vốn cổ phần	2.547	2.547
g	Vốn khác	25	25
2	Các quỹ	240.216	204.236
5	Lợi nhuận chưa phân phối	403.090	205.088
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.667.054	3.433.072
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	54.439.880	42.851.605

	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN			
2	Cam kết giao dịch hối đoái Trong đó:	40	68.400
	▪ Cam kết mua ngoại tệ	14.137	68.400
	▪ Cam kết bán ngoại tệ	59.636	-
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi	4.610.767	-
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	40	420.087
5	Bảo lãnh khác	40	205.004

Ngày 9 tháng 4 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
 Trưởng bộ phận Kế toán
 Tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
 Quyền Tổng Giám đốc



		Thuyết minh	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	3.939.409	3.211.377
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(2.753.338)	(2.062.781)
I	Thu nhập lãi thuần	26	1.186.071	1.148.596
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	27	75.865	63.666
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	27	(48.834)	(39.735)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	27.031	23.931
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	25.235	20.322
IV	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	(3.468)	(150)
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	151.899	58.206
5	Thu nhập từ hoạt động khác	31	300.188	33.102
6	Chi phí hoạt động khác	31	(3.989)	(18.171)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	31	296.199	14.931
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	193	42.949
VIII	Chi phí hoạt động	33	(861.316)	(781.533)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		821.844	527.252
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	34	(520.687)	(481.998)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		301.157	45.254
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	(61.914)	(12.391)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	-	-
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	35	(61.914)	(12.391)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		239.243	32.863
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	36	792	109

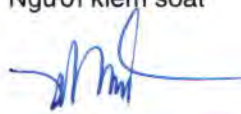
Ngày 9 tháng 4 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
 Trưởng bộ phận Kế toán
 Tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
 Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	3.649.702	3.241.934
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.551.058)	(1.827.150)
03 Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	63.219	23.853
04 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	169.131	79.013
05 Thu nhập khác	26.589	36.437
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	175.141	13.043
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(711.621)	(695.659)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(21.667)	(41.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	799.436	829.696
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 (Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(363.650)	3.061.690
10 Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(907.700)	(1.594.512)
11 Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(75)	(434)
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(12.306.249)	(9.852.665)
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(14.016)	(197.103)
14 Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	3.332.084	(184.633)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
15 Tăng/(giảm) các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	320.515	(209.910)
16 Tăng/(giảm) tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	3.156.873	(2.462.662)
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	5.780.460	9.755.113
18 Tăng phát hành giấy tờ có giá	1.857.863	34.250
19 (Giảm)/tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(6.775)	670
20 Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(2.662)
21 (Giảm)/tăng khác về công nợ hoạt động	(31.231)	19.552
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	1.617.535	(803.610)

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01		
Mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng	(74.798)	(35.667)
02		
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	115.579	16.614
04		
Mua sắm bất động sản đầu tư và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng	(56.616)	-
05		
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	4.409	-
08		
Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	254.000
09		
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	193	42.949
II	(11.233)	277.896
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04		
Cổ tức trả cho cổ đông	(665)	(1.271)
III	(665)	(1.271)
IV	1.605.637	(526.985)
V	4.306.715	4.833.700
VII	5.912.352	4.306.715

Ngày 9 tháng 4 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
 Trưởng bộ phận Kế toán
 Tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
 Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này